

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính**Quý IV năm tài chính 2013**

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Quý IV Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.001.044.385.764	846.527.377.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.436.676.575	37.238.046.266
1. Tiền	111	V.01	24.179.676.575	20.138.046.266
2. Các khoản tương đương tiền	112		257.000.000	17.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	38.579.510.005	5.077.309.615
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38.579.510.005	5.077.309.615
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		800.741.924.196	558.779.274.300
1. Phải thu khách hàng	131		495.834.316.788	368.500.585.233
2. Trả trước cho người bán	132		148.254.663.540	169.139.099.447
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	157.412.086.333	22.358.397.647
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(759.142.465)	(1.218.808.027)
IV. Hàng tồn kho	140		116.720.126.563	140.076.740.804
1. Hàng tồn kho	141	V.04	116.720.126.563	140.076.740.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.566.148.425	105.356.006.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.162.693.215	69.245.792.857
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	371.141.874	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.032.313.336	36.110.213.298
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.370.943.002.379	2.150.598.056.381
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		684.677.283.048	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	684.677.283.048	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.300.176.984.944	1.905.925.886.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.912.905.553	728.730.582.030
- Nguyên giá	222		34.895.294.175	789.598.555.687
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.982.388.622)	(60.867.973.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	0	1.191.410.987
- Nguyên giá	225		0	2.446.007.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(1.254.596.060)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	122.575.421	558.037.342
- Nguyên giá	228		750.596.888	1.257.326.288
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(628.021.467)	(699.288.946)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.282.141.503.970	1.175.445.856.142

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	380.981.258.522	238.003.204.204
1. Đầu tư vào công ty con	251		356.486.724.238	209.326.820.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.450.000.000	22.740.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.840.000.000	6.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1.795.465.716)	(903.615.796)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.107.475.865	6.668.965.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.107.475.865	6.606.965.676
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	62.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.371.987.388.143	2.997.125.433.521
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.667.914.832.047	2.459.969.995.729
I. Nợ ngắn hạn	310		955.224.040.531	694.186.791.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	482.509.491.851	237.848.506.678
2. Phải trả người bán	312		199.818.881.122	185.008.069.551
3. Người mua trả trước	313		87.623.905.695	117.958.637.237
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	342.024.979	2.207.819.891
5. Phải trả người lao động	315		2.262.766.210	4.409.599.493
6. Chi phí phải trả	316	V.17	17.321.812.532	33.247.847.198
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	162.729.874.483	111.901.550.458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.615.283.659	1.604.761.305
II. Nợ dài hạn	330		1.712.690.791.516	1.765.783.203.918
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		976.740.681.620	934.546.060.954
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	735.575.540.843	830.839.846.639
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		374.569.053	397.296.325
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		704.072.556.096	537.155.437.792
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	704.072.556.096	537.155.437.792
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		646.474.910.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.154.600.587	72.222.032.987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.186.408.842	30.289.648.858
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.202.809.063	9.445.185.906
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý IV năm tài chính 2013
Mẫu số B 02A - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý IV Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	290.480.632.217	509.754.768.280	706.762.871.258	1.128.932.033.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	5.885.352.015	1.130.090.887	11.210.489.233	9.147.345.045
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	284.595.280.202	508.624.677.393	695.552.382.025	1.119.784.688.243
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	276.667.995.304	481.988.122.358	630.214.568.885	1.032.494.737.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.927.284.898	26.636.555.035	65.337.813.140	87.289.951.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	6.637.898.070	2.061.266.629	7.801.323.060	12.243.914.285
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.678.892.087	5.744.189.949	21.071.052.762	8.437.859.509
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.787.042.167	4.840.574.153	20.179.202.842	7.534.243.713
8. Chi phí bán hàng	24		82.634.354	2.114.998.660	8.543.932.276	7.766.794.394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.881.345.430	14.067.699.421	33.279.113.542	37.897.001.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3.922.311.097	6.770.933.634	10.245.037.620	45.432.210.157
11. Thu nhập khác	31		593.703.000	1.427.548.011	2.250.393.230	2.041.145.702
12. Chi phí khác	32		197.306.180	1.521.348.977	1.561.082.194	3.943.342.613
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		396.396.820	-93.800.966	689.311.036	-1.902.196.911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.318.707.917	6.677.132.668	10.934.348.656	43.530.013.246
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	(239.147.257)	1.903.219.462	910.544.952	8.377.550.105
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.557.855.174	4.773.913.206	10.023.803.704	35.152.463.141
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		71	136	198	1.004

Người lập

Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc



Tổng Giám đốc

Cao Văn Hưng

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính**Quý IV năm tài chính 2013**

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT**Quý IV Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		586.538.648.782	1.049.200.057.678
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(518.957.564.972)	(698.440.596.852)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.163.312.488)	(19.727.750.115)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(33.368.961.397)	(112.666.161.200)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.797.008.789)	(8.866.792.844)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		319.895.386.211	98.286.880.815
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(245.269.525.017)	(258.760.189.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.877.662.330	49.025.448.405
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(251.447.988.162)	(113.189.758.972)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(35.575.000.000)	(11.547.792.948)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.135.292.948	37.361.599.751
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(144.650.000.000)	(34.255.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		936.102.066	8.990.141.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(429.601.593.148)	(112.640.810.987)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		945.780.940.417	364.786.240.708
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(618.551.718.540)	(360.713.958.018)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(298.563.900)	(574.960.887)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.096.850)	(41.417.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		326.922.561.127	3.455.904.273
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(12.801.369.691)	(60.159.458.309)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.238.046.266	97.397.504.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		24.436.676.575	37.238.046.266

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2014



Tổng Giám đốc



Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 09 ngày 20 tháng 06 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 646.474.910.000 đồng.

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Xây dựng nhà các loại;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện, sản xuất điện;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dự phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỉ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỉ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp

- Trong quý II, Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 05 năm 2013 về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Tasco Quảng Bình để quản lý đầu tư và khai thác Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km 605+000 và đoạn Km617+000 – Km 641+000 tỉnh Quảng Bình do Tasco là nhà đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – chuyển giao – kinh doanh.

- Trong quý II, Hội đồng quản trị ra nghị quyết số 08/QĐ – HĐQT ngày 25 tháng 07 năm 2013 về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Tasco Thành Công.

- Trong quý IV, Hội đồng quản trị Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Tasco Nam Định để quản lý đầu tư Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định – Phủ Lý do Tasco là nhà đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – chuyển giao (BT21) trên cơ sở tách Doanh nghiệp dự án cũ là CTCP Xây dựng Tasco. Toàn bộ số vốn góp của Công ty tại CTCP Tasco Xây dựng được chuyển sang Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 02 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Giá vốn dự án Xuân Phương, giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Tiền mặt	165.010.233	38.499.992
	- Tiền gửi ngân hàng	22.043.211.342	20.099.546.274
	- Tiền đang chuyển	1.971.455.000	0
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	257.000.000	17.100.000.000
	Cộng	24.436.676.575	37.238.046.266
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Đầu tư ngắn hạn khác	38.579.510.005	5.077.309.615
	<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>37.129.510.005</i>	<i>2.077.309.615</i>
	Cộng	38.579.510.005	5.077.309.615
3 -	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	6.651.000.000	1.311.884.000
	- Phải thu khác	150.761.086.333	21.046.513.647
	Cộng	157.412.086.333	22.358.397.647
4 -	Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Công cụ, dụng cụ	0	24.849.854
	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	116.720.126.563	140.051.890.950
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	116.720.126.563	140.076.740.804
Hàng tồn kho trong kỳ là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp			
5 -	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Thuế TNDN nộp thừa	178.245.549	0
	- Thuế GTGT nộp thừa	40.200.000	0
	- Các khoản khác phải thu Nhà nước	152.696.325	0
	Cộng	371.141.874	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

Trong quý II, công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định.

Trong quý II, công ty đã hạch toán điều chỉnh giảm một số tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Trong quý III, Công ty đã chuyển giao chi phí đầu tư của 2 dự án BOT QL10 và BOT QL 21 cho Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6 (do Công ty cổ phần Tasco sở hữu 100% vốn) để tổ chức hạch toán chi phí tương ứng với doanh thu và xác định kết quả kinh doanh từ việc thu phí của hai trạm.

9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

(Phụ lục 02)

Trong quý II, công ty mua lại một số tài sản thuê tài chính sau khi kết thúc hợp đồng thuê .

10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

Trong quý II, công ty đã hạch toán điều chỉnh giảm một số tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	27.217.891.148	26.500.313.208
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	70.272.124.725	6.658.988.057
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	366.796.568.718	342.056.386.303
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án Đơn vị ở số 1	9.105.623.434	8.894.504.143
- Dự án Đơn vị ở số 2	146.902.643.687	135.299.663.288
- Dự án Đơn vị ở số 3	352.908.821.029	350.545.473.383
- Dự án Khu đô thị mới Văn Canh - Hoài Đức	280.468.532.569	298.866.687.080
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.379.164.864	1.324.404.692
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	21.668.435.969	
- Dự án nhà cho CB CNV Bộ ngoại giao	313.791.745	191.529.906
Cộng	1.282.141.503.970	1.175.445.856.142

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Đầu tư vào công ty con	356.486.724.238	209.326.820.000
- Đầu tư vào công ty liên kết	19.450.000.000	22.740.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	6.840.000.000	6.840.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.795.465.716)	(903.615.796)
Cộng	380.981.258.522	238.003.204.204

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:				
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	0	0	306.000	3.060.000.000
3. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	8.732.582	87.325.820.000	5.332.582	53.325.820.000
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	0	0	15.289.100	152.891.000.000
5. Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	2.458.589	24.585.886.936	0	0
6. Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	24.252.502	242.525.017.302	0	0
7. Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	200.000	2.000.000.000	0	0
Cộng	35.648.672	356.486.724.238	20.932.682	209.326.820.000

Trong quý IV, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Tasco Thành Nam.

b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết				
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	13.850.000.000	1.385.000	13.850.000.000
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. Công ty CP Tasco Trường Phát	0	0	224.000	2.240.000.000
4. Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
5. Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	0	0	105.000	1.050.000.000
6. Công ty CP D - Tech	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng	1.945.000	19.450.000.000	2.274.000	22.740.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại 2 Công ty: Công ty CP Tasco Trường Phát và Công ty CP Đầu tư và xây dựng Tiến Phát.

c) Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư dài hạn khác	684.000	6.840.000.000	684.000	6.840.000.000
Cộng	684.000	6.840.000.000	684.000	6.840.000.000

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2013 của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20%.

14 - Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.107.475.865	6.606.965.676
Cộng	5.107.475.865	6.606.965.676
15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vay ngắn hạn	478.081.491.851	237.525.964.178
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	293.011.173.591	63.747.542.724
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	70.323.208.696	102.723.458.366
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	0	5.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	39.715.457.564	57.529.338.088
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn HN – CN Ba Đình	35.000.000.000	0
+ Vay đối tượng khác	40.031.652.000	8.425.625.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.428.000.000	322.542.500
Cộng	482.509.491.851	237.848.506.678

Trong đó:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2013 số 01/2013/HĐ ngày 18/07/2013, mức dư nợ tối đa là 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2014. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Các khoản vay bắc cầu theo các hợp đồng tín dụng theo món để tạm ứng tiền thi công dự án “Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 597 + 549 – KM 605+000 và đoạn Km 617+000- Km 641+000 tỉnh Quảng Bình theo hình thức BOT”. Thời hạn vay 11 tháng, lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thỏa thuận tại thời điểm vay và thả nổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2013 số 01/2013/HĐTDHM ngày 10/07/2013, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2014. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 67.12.01/HĐHM/II.20 ngày 14/09/2012, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thể chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0005/2013/HĐTDHM-GPBTLO ngày 21 tháng 06 năm 2013 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Ba Đình:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 051/2013/HĐTDNH-PN/SHB.BĐ ngày 31/10/2013, số tiền vay là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể.

16 -	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Thuế giá trị gia tăng	0	69.259.151
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.254.105	1.913.767.805
	- Thuế thu nhập cá nhân	133.210.528	224.792.935
	- Các loại thuế khác	91.560.346	0
	Cộng	342.024.979	2.207.819.891
17 -	Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK22	4.575.019.151	4.355.576.601
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK24	3.261.315.657	1.985.567.673
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK25	4.606.391.015	3.952.375.250
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK26	548.410.034	629.459.568
	- Trích trước giá vốn – Dự án Đơn vị ở 3	406.697.661	406.697.661
	- Chi phí lãi trái phiếu HUT2012 trả sau	0	19.316.005.480
	- Chi phí phải trả	3.923.979.014	2.602.164.965
	Cộng	17.321.812.532	33.247.847.198

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Kinh phí công đoàn	486.871.021	571.745.241
- Bảo hiểm xã hội	168.943.881	0
- Bảo hiểm y tế	33.376.491	0
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.994.362	0
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	162.026.688.728	111.329.805.217
Cộng	162.729.874.483	111.901.550.458

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay dài hạn	735.575.540.843	830.839.846.639
- Vay ngân hàng	590.075.540.843	620.059.846.639
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	26.930.000.000	29.490.000.000
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	4.428.832.409	13.284.832.409
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	390.805.154.204	402.841.000.000
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD 1	166.713.054.230	173.713.054.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	401.000.000	668.600.000
+ NH TMCP Á Châu	0	62.360.000
+ NH TMCP SHB – CN Ba Đình	797.500.000	0
- Vay đối tượng khác	45.500.000.000	51.270.000.000
- Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	159.510.000.000
Cộng	735.575.540.843	830.839.846.639

Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/H ĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

22 - Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - HUD	54.293.760.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	592.181.150.000	304.731.200.000
Cộng	646.474.910.000	349.976.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày đầu kỳ	349.976.000.000	349.976.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	296.498.910.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp tại ngày cuối kỳ	646.474.910.000	349.976.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	69.994.710.000	0
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	64.647.491	34.997.600
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Trong quý II, công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2011, năm 2012 bằng cổ phiếu và chuyển đổi trái phiếu HUT – CB2012 phát hành năm 2012 thành cổ phiếu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2013.

Ngày 07 tháng 06 năm 2013, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 22/2008/GCNCP-VSD-3 cho Công ty. Số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung 6.999.471 cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung 69.994.710.000 đồng.

Ngày 26 tháng 06 năm 2013, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 22/2008/GCNCP-VSD-4 cho Công ty. Số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung 22.650.420 cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung 226.504.200.000 đồng.

e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	31.186.408.842	30.289.648.858
- Quỹ dự phòng tài chính	11.202.809.063	9.445.185.906
Cộng	42.389.217.905	39.734.834.764

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

25 -	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
	- Doanh thu hợp đồng xây dựng	284.415.722.315	389.418.713.280
	- Doanh thu hoạt động thu phí	0	12.511.960.000
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	6.064.909.902	107.824.095.000
	Cộng	290.480.632.217	509.754.768.280
26 -	Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Trong đó:		
	- Giảm giá hàng bán	3.376.452.998	1.130.090.887
	- Hàng bán bị trả lại	2.508.899.017	0
	Cộng	5.885.352.015	1.130.090.887
27 -	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		
	- Doanh thu thuần	284.595.280.202	508.624.677.393
28 -	Giá vốn hàng bán	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
	- Giá vốn hoạt động xây lắp	272.888.325.201	382.422.120.765
	- Giá vốn hoạt động thu phí	0	1.001.588.840
	- Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	3.779.670.103	98.564.412.753
	Cộng	276.667.995.304	481.988.122.358
29 -	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	526.898.070	1.264.823.629
	- Cổ tức lợi nhuận được chia	6.111.000.000	771.884.000
	- Doanh thu hoạt động tài chính khác		24.559.000
	Cộng	6.637.898.070	2.061.266.629
30 -	Chi phí tài chính	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
	- Lãi tiền vay	2.787.042.167	4.840.574.153
	- Chi phí tài chính khác	891.849.920	903.615.796
	Cộng	3.678.892.087	5.744.189.949

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(239.147.257)	1.903.219.462
Cộng	(239.147.257)	1.903.219.462

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

3. Thông tin liên quan:

Các giao dịch mua:	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
Công ty TNHH MTV Tasco 6		2.309.497.823
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	19.926.439.999	45.346.764.546
Cộng	19.926.439.999	47.656.262.369

Các giao dịch bán:	Quý IV- 2013	Quý IV – 2012
Công ty TNHH MTV Tasco 6		12.511.960.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		72.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	81.818.182	
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	30.000.000	
Cộng	111.818.182	12.583.960.000

Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		79.200.000
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	90.000.000	
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	33.000.000	
Cộng	123.000.000	79.200.000

Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Tasco 6	690.834.808.048	
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	2.555.729.078	1.675.889.492
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	135.213.170.000	
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	57.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Các khoản phải trả người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6		52.556.289
Công ty cổ phần Tasco Nam Thái		16.261.290.917
Cộng	0	16.313.847.206
Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	974.877.768	
Cộng	974.877.768	0

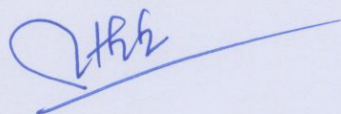
5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính của kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2012.

7. Những thông tin khác:

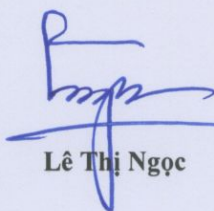
Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	19.968.233.489	1.693.826.855	8.898.687.220	9.169.102.365	749.868.705.758	789.598.555.687
Số dư tại ngày 01/01/2013	19.968.233.489	1.693.826.855	8.898.687.220	9.169.102.365	749.868.705.758	789.598.555.687
Tăng trong kỳ	0	1.172.658.571	2.770.262.112	0	0	3.942.920.683
Mua trong kỳ			1.494.183.636			1 494 183 636
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		1.172.658.571	1.276.078.476			2 448 737 047
Giảm trong kỳ	10.405.000	1.338.309.335	1.063.831.000	6.364.931.102	749.868.705.758	758.646.182.195
Giảm thanh lý, nhượng bán		1.172.658.571	1 063 831 000	525.888.530		2 762 378 101
Giảm khác	10.405.000	165.650.764		5.839.042.572	749.868.705.758	755 883 804 094
Số dư tại ngày 31/12/2013	19.957.828.489	1.528.176.091	10.605.118.332	2.804.171.263	0	34.895.294.175
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2013	5.850.077.603	1.207.959.973	4.939.002.246	4.326.638.289	44.544.295.546	60.867.973.657
Tăng trong kỳ	679.052.220	542.515.693	2.441.168.610	863.420.492	12.037.534.014	16.563.691.029
Khấu hao trong kỳ	679.052.220	542.515.693	2.441.168.610	863.420.492	12.037.534.014	16.563.691.029
Tăng khác						0
Giảm trong kỳ	10.405.000	535.429.466	681.561.270	2.640.050.768	56.581.829.560	60.449.276.064
Giảm thanh lý, nhượng bán		439.248.865	681.561.270	525.888.530		1.646.698.665
Giảm khác	10.405.000	96.180.601		2.114.162.238	56.581.829.560	58.802.577.399
Số dư tại ngày 31/12/2013	6.518.724.823	1.215.046.200	6.698.609.586	2.550.008.013	0	16.982.388.622
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	14.118.155.886	485.866.882	3.959.684.974	4.842.464.076	705.324.410.212	728.730.582.030
Tại ngày 31/12/2013	13.439.103.666	313.129.891	3.906.508.746	254.163.250	0	17.912.905.553

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.171.428.571	1.274.578.476	2.446.007.047
Tăng trong kỳ	0	0	0
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	1.171.428.571	1.274.578.476	2.446.007.047
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1.171.428.571	1.274.578.476	2.446.007.047
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0	0
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	475.487.668	779.108.392	1.254.596.060
Tăng trong kỳ	0	61.417.030	61.417.030
Khấu hao trong kỳ		61.417.030	61.417.030
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	475.487.668	840.525.422	1.316.013.090
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	475.487.668	840.525.422	1.316.013.090
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0	0
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	695.940.903	495.470.084	1.191.410.987
Tại ngày 31/12/2013	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Phu lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Nguyên giá TSCĐ vô hình	102.878.251	1.154.448.037	1.257.326.288
Số dư tại ngày 01/01/2013	102 878 251	1 154 448 037	1.257.326.288
Tăng trong kỳ		0	0
Mua trong kỳ			0
Giảm trong kỳ	0	506.729.400	506.729.400
Giảm khác		506.729.400	506.729.400
Số dư tại ngày 31/12/2013	102.878.251	647.718.637	750.596.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	25 760 712	673 528 234	699.288.946
Tăng trong kỳ	4.304.232	131.717.557	136.021.789
Khấu hao kỳ	4 304 232	131 717 557	136.021.789
Giảm trong kỳ	0	207.289.268	207.289.268
Giảm khác		207.289.268	207.289.268
Số dư tại ngày 31/12/2013	30.064.944	597.956.523	628.021.467
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	77.117.539	480.919.803	558.037.342
Tại ngày 31/12/2013	72.813.307	49.762.114	122.575.421

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2013

Phu lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	349.976.000.000	72.257.032.987	18.579.801.777	6.192.450.606	62.402.706.006	509.407.991.376
Tăng trong năm	0	0	11.709.847.081	3.252.735.300	35.152.463.141	50.115.045.522
Tăng vốn			11.709.847.081	3.252.735.300		14.962.582.381
Lãi					35.152.463.141	35.152.463.141
Giảm trong năm		35.000.000			22.332.599.106	22.367.599.106
Phân phối lợi nhuận					22.305.586.006	22.305.586.006
Giảm khác		35.000.000			27.013.100	62.013.100
Số dư tại ngày 31/12/2012	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Số dư tại ngày 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Tăng trong năm	296.498.910.000	0	896.759.984	1.757.623.157	10.023.803.704	309.177.096.845
Tăng vốn	296.498.910.000		896.759.984	1.757.623.157		299.153.293.141
Lãi					10.023.803.704	10.023.803.704
Giảm trong năm		67.067.432.400			75.192.546.141	142.259.978.541
Phân phối lợi nhuận					75.192.546.141	75.192.546.141
Giảm khác		67.067.432.400				67.067.432.400
Số dư tại ngày 31/12/2013	646.474.910.000	5.154.600.587	31.186.408.842	11.202.809.063	10.053.827.604	704.072.556.096